

CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG THEO ĐỊNH HƯỚNG OBE DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHỆ AI

Phạm Lê Thị Bảo Dung

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM

dungpltb@huflit.edu.vn

TÓM TẮT— Trong bối cảnh giáo dục đại học chuyển mạnh sang mô hình tiếp cận năng lực, giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome-based Education – OBE) đang trở thành định hướng chủ đạo trong xây dựng và triển khai chương trình đào tạo. Đối với ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, việc hiện thực hóa mô hình OBE gặp nhiều thách thức do đặc thù ngôn ngữ và sự thay đổi nhanh chóng của ngôn ngữ chuyên ngành trong bối cảnh xã hội hiện đại. Bài viết này tập trung phân tích vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI) trong quá trình chuyển đổi phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc theo định hướng OBE. Thông qua phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp phân tích lý luận và thực tiễn giảng dạy, nghiên cứu làm rõ tác động của AI trên ba phương diện: thiết kế học liệu bám sát chuẩn đầu ra, cá nhân hóa hoạt động dạy học và đổi mới hình thức đánh giá năng lực người học trong bối cảnh thực. Kết quả nghiên cứu cho thấy, AI không chỉ góp phần thu hẹp khoảng cách giữa giáo trình và ngôn ngữ sử dụng thực tế mà còn hỗ trợ hiện thực hóa nguyên lý lấy người học làm trung tâm và nguyên tắc tương thích kiến tạo của mô hình OBE. Từ đó, bài viết đề xuất một số định hướng nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng của AI trong giảng dạy tiếng Trung Quốc ở bậc đại học trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

Từ khóa— giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (OBE), trí tuệ nhân tạo, giảng dạy tiếng Trung Quốc, chuyển đổi số giáo dục

I. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục đại học toàn cầu đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ từ mô hình “tiếp cận nội dung” sang mô hình “tiếp cận năng lực” (Competency-based approach). Phương pháp tiếp cận năng lực người học với kim chỉ nam học để biết làm, chú trọng vào việc lấy người học làm trung tâm, dùng năng lực làm nền tảng. Tại Việt Nam, triết lý giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome-based Education: OBE) đang được xem là xu thế trong việc xây dựng chương trình đào tạo, đặt trọng tâm vào câu hỏi cốt lõi: “Người học có thể làm được gì sau khi kết thúc học phần?”.

Đối với ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, việc áp dụng và kết hợp mô hình giáo dục tiếp cận năng lực và mô hình OBE đặt ra nhiều thách thức vì tính chất đặc thù của ngành. Do đặc điểm của loại hình ngôn ngữ, hệ chữ viết phức tạp và sự gắn kết chặt chẽ với ngữ cảnh văn hóa, việc giảng dạy tiếng Trung Quốc không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ nghĩa của từ vựng hay quy tắc ngữ pháp. Chuẩn đầu ra của các môn học trong chương trình đào tạo đòi hỏi sinh viên phải đạt được những lực giao tiếp thực chiến, tư duy phản biện hay khả năng thích ứng linh hoạt trong môi trường làm việc cần sử dụng tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, các phương pháp giảng dạy truyền thống – lấy người dạy làm trung tâm – đang bộc lộ những hạn chế trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập, ngoài ra rất khó tạo ra môi trường thực hành ngôn ngữ hay giúp người học rèn luyện những kỹ năng mềm trong bối cảnh công nghệ đang dần trở thành xu thế mới.

Cùng với sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models: LLM) và AI tạo sinh (Generative AI), đã mở ra một kỷ nguyên mới cho lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ. AI không chỉ là một công cụ dùng để tra cứu hay dịch thuật mà AI đang dần trở thành một trợ lý ảo thông minh đối với cả người dạy và người học. Vậy vấn đề được đặt ra là: làm sao có thể tích hợp công nghệ AI một cách hiệu quả vào quy trình giảng dạy tiếng Trung để giải quyết những điểm nghẽn của phương pháp giảng dạy truyền thống? Làm thế nào để kết hợp công nghệ AI vào chương trình đào tạo theo định hướng OBE? Việc sử dụng AI sẽ thay đổi vai trò của giảng viên và sinh viên như thế nào?

Mục đích của bài nghiên cứu này tập trung phân tích sự tác động của công nghệ AI đến quá trình chuyển đổi phương pháp dạy tiếng Trung Quốc theo triết lý giáo dục OBE.

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp giữa phân tích lý luận, tổng quan tài liệu và phân tích thực tiễn giảng dạy. Sau khi tiến hành tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến mô hình giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra OBE và việc ứng dụng AI trong dạy ngôn ngữ, đặc biệt là trong giảng dạy tiếng Trung. Trên cơ sở đó, nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa OBE và AI trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay. Bên cạnh đó, sử dụng phương pháp phân tích – diễn giải để tiến hành xem xét vai trò của AI trong từng khâu của quy trình giảng dạy theo định hướng OBE, bao gồm thiết kế học liệu, tổ chức dạy học và đánh giá năng lực người học. Ngoài ra, nghiên cứu còn tận dụng kinh nghiệm giảng dạy thực tế của tác giả trong lĩnh vực đào tạo tiếng Trung để đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn.

Tóm lại, nghiên cứu này sẽ đi sâu vào việc tìm hiểu mô hình giáo dục OBE kết hợp với ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong giáo dục ngôn ngữ và tiến hành phân tích: (1) Ứng dụng AI hỗ trợ thiết kế bài giảng để bám sát chuẩn

đầu ra; (2) cá nhân hóa hoạt động dạy học nhằm tối ưu hóa năng lực của người học; (3) đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá. Qua đó, bài nghiên cứu đề xuất một số định hướng nhằm tận dụng ưu thế của công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

A. GIÁO DỤC DỰA TRÊN CHUẨN ĐẦU RA (OBE)

Giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome – based Education: OBE) là phương thức xây dựng chương trình đào tạo dựa trên những kiến thức, kỹ năng mà người học được kỳ vọng tiếp thu được và thể hiện thành công khi tốt nghiệp. Trái với triết lý giáo dục truyền thống – giáo dục theo nội dung, kiến thức (Content – based Education) – tập trung vào việc tích lũy kiến thức, tập trung vào người dạy, thì đối với triết lý giáo dục dựa trên đầu ra, việc tập trung vào năng lực hoặc chuẩn đầu ra; nguyên lý thiết kế ngược và nguyên lý tương thích có định hướng và tạo cơ hội học tập liên tục cho người học đều là những nguyên lý cơ bản của OBE:

- Nguyên lý tập trung vào chuẩn đầu ra: Chuẩn đầu ra (CĐR) là phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp mà người học phải đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.
- Nguyên lý thiết kế ngược: Đảm bảo việc thiết kế chương trình đào tạo phải phù hợp với nhu cầu của người sử dụng lao động, phù hợp với nhu cầu của thị trường và xã hội.
- Nguyên lý tương thích kiến tạo: Đảm bảo các phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá, đo lường góp phần hỗ trợ việc giúp người học đạt chuẩn đầu ra.

Tạo cơ hội học tập liên tục: đảm bảo rằng người học luôn có lý do để học tập, chủ động học tập và cung cấp cho người học một môi trường học tập thuận lợi để người học có thể ôn tập, tự khám phá kiến thức mới, truyền đạt kiến thức cho người khác hoặc vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề [1] [2].

Mô hình giáo dục OBE tập trung xác định rõ ràng chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của người học. OBE lấy người học làm trung tâm, chú trọng việc ứng dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế, đáp ứng được các yêu cầu của thị trường lao động. Đối với lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung Quốc, OBE yêu cầu xác định rõ năng lực ngôn ngữ không chỉ là số lượng từ vựng hay cấu trúc ngữ pháp, mà phải được cụ thể hóa thành những kết quả có thể đo lường và quan sát được như khả năng sử dụng ngôn ngữ để biểu đạt, đàm phán thương mại, soạn thảo văn bản hành chính, ...

B. NGUYÊN TẮC “TƯƠNG THÍCH KIẾN TẠO”

Giảng dạy theo nguyên tắc Tương thích kiến tạo (Constructive Alignment) – là một trong những nguyên lý cơ bản của mô hình OBE - đòi hỏi sự đồng bộ tương thích giữa các yếu tố gồm: chuẩn đầu ra, hoạt động dạy và học và đánh giá kết quả học tập. Với sự tương thích này, người dạy có thể định hướng và thiết kế cụ thể các nội dung và hoạt động giảng dạy, từ đó, cung cấp cho người học một môi trường thuận lợi để người học có thể chủ động học tập và phát triển một cách tối ưu nhất, nhằm đạt được các yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động [3].

Chính vì thế, bài nghiên cứu này sẽ tiến hành phân tích vai trò của AI dựa trên việc trí tuệ nhân tạo đã tác động và thay đổi phương thức vận hành của ba yếu tố trên như thế nào để đảm bảo sự tương thích tối ưu nhất.

C. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIÁO DỤC NGOẠI NGỮ

Việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ đã trải qua quá trình phát triển từ Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (Computer-Assisted Language Learning: CALL) sang giai đoạn ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (Artificial Intelligence in Education: AIED). Sự khác biệt nằm ở việc AI có khả năng thu thập dữ liệu của người học để cá nhân hóa lộ trình, đồng thời AI mang tính tạo sinh – cho phép tạo ra ngữ liệu mới, hội thoại mới phù hợp với bối cảnh.

Dữ liệu thực nghiệm từ nghiên cứu trước đây cho thấy các thuật toán có khả năng nhận diện chính xác các lỗi hổng học tập và dự đoán kết quả dựa trên phân tích tập dữ liệu lớn [4]. Bên cạnh đó, có nghiên cứu đã chứng minh hiệu quả việc ứng dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) trong việc tạo dựng môi trường giao tiếp thực tế, giúp sinh viên vượt qua các rào cản về thanh điệu và ngữ cảnh văn hóa trong tiếng Trung [5].

D. MỐI QUAN HỆ GIỮA OBE VÀ AI TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG

Sự kết hợp giữa OBE và AI là mối quan hệ hỗ trợ, trong đó OBE là đích đến và AI là phương tiện hỗ trợ cho việc đạt được mục đích cuối cùng.

AI hiện thực hóa việc lấy người học làm trung tâm bằng cách cá nhân hóa lộ trình học tập. AI cho phép xây dựng và thiết kế lộ trình riêng biệt, giúp người học có thể tự chủ về nội dung và tiến độ - điều mà phương pháp dạy học truyền thống khó mà thực hiện được [6]. Ngoài ra, AI có khả năng đưa ra hệ thống bài tập đánh giá và tài liệu hỗ trợ phù hợp, điều này hỗ trợ nguyên lý tạo cơ hội học tập liên tục trong triết lý giáo dục OBE [1].

AI hỗ trợ việc đánh giá năng lực và phản hồi liên tục để người học cải thiện. OBE nhấn mạnh việc đánh giá khả năng vận dụng kiến thức trong bối cảnh thực tế, thông qua công nghệ nhận diện giọng nói và xử lý ngôn ngữ một cách tự nhiên, đánh giá các kỹ năng phức tạp như phát âm, ngữ pháp với độ chính xác cực kỳ cao [7]. Không những vậy, AI còn đưa ra phản hồi tức thì, cung cấp cho người học phản hồi sửa lỗi tức thì mà không cần chờ giáo viên, giúp khép kín vòng lặp học tập [8].

Trong giảng dạy tiếng Trung truyền thống, việc áp dụng triệt để mô hình OBE là điều khó khăn, người dạy khó có thể thiết kế hoạt động riêng cho từng sinh viên để đảm bảo rằng ai cũng đạt chuẩn đầu ra. AI xuất hiện và nó có thể hỗ trợ người dạy giải quyết những khó khăn trước mắt, hiện thực hóa triết lý “lấy người học làm trung tâm” và đảm bảo người học đạt được chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng và thái độ).

III. PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG CỦA AI TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG THEO ĐỊNH HƯỚNG OBE

Dựa trên nguyên tắc cốt lõi “tương thích kiến tạo” (Constructive Alignment) của mô hình OBE và sự kết hợp trí tuệ nhân tạo AI vào giáo dục ngôn ngữ không chỉ là một công cụ mà đây là một sự thay đổi mang tính hệ thống. Bài nghiên cứu này tập trung phân tích tác động của AI trên ba phương diện chính: (1) Thiết kế học liệu, nhằm hỗ trợ thiết kế bài giảng để bám sát chuẩn đầu ra; (2) cá nhân hóa hoạt động dạy học nhằm tối ưu hóa năng lực người học; (3) đánh giá trong bối cảnh thực.

A. TỐI ƯU HÓA VIỆC THIẾT KẾ HỌC LIỆU

Trong triết lý OBE, quy trình dạy học bắt đầu bằng việc xác định chuẩn đầu ra, sau đó mới bắt đầu thiết kế nội dung để đạt được chuẩn đầu ra đó. Đối với việc giảng dạy tiếng Trung Quốc, dù các giáo trình được biên soạn công phu, nhưng thường có độ trễ nhất định so với sự phát triển của ngôn ngữ dùng trong chuyên ngành như thương mại, văn phòng hay đời sống xã hội Trung Quốc hiện đại. Công nghệ AI giải quyết được bài toán này bằng cách thông qua khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên, AI hỗ trợ giảng viên quét và phân tích hàng loạt văn bản thực tế để xác định nội dung chính, từ khóa, cấu trúc ngữ pháp, cấu trúc câu trong lĩnh vực cụ thể. Nhờ đó, nội dung giảng dạy sẽ không còn bị giới hạn trong giáo trình mà được cập nhật liên tục để bám sát chuẩn đầu ra thực tế, giảm tải thời gian giảng viên tìm kiếm nguồn tài liệu giảng dạy. Hơn nữa, AI cho phép giảng viên thực hiện phân hóa trình độ, phân hóa nội dung từ khâu thiết kế học liệu. Với cùng một chủ đề, AI tạo sinh có thể ngay lập tức cung cấp nhiều phiên bản đầu với độ khác nhau về lượng từ vựng và độ phức tạp, phù hợp với các trình độ HSK (đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra năng lực Hán ngữ đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc). Với tính năng này, yêu cầu giảng viên cần trang bị cho bản thân những kiến thức, kỹ năng liên quan đến việc tạo và sử dụng câu lệnh (prompt). Ví dụ:

Vai trò: Bạn là giảng viên tiếng Trung chuyên ngành thương mại quốc tế, có kinh nghiệm thực tế về đàm phán kinh doanh Trung Quốc – Quốc tế.

Nhiệm vụ: Hãy xây dựng hệ thống từ vựng và cấu trúc câu dùng trong đàm phán thương mại bằng tiếng Trung, phục vụ cho người học trình độ trung cấp – trung cao cấp (HSK 4–5).

Yêu cầu nội dung:

Chia nội dung theo các giai đoạn đàm phán, bao gồm:

- Mở đầu & thiết lập quan hệ hợp tác
- Giới thiệu sản phẩm / dịch vụ
- Hỏi giá & báo giá
- Thương lượng giá cả và điều kiện
- Nhượng bộ & thỏa hiệp
- Kết thúc đàm phán và đạt thỏa thuận
- Với mỗi giai đoạn, hãy cung cấp:
 - 5–7 từ vựng trọng tâm (kèm phiên âm Pinyin + nghĩa tiếng Việt)
 - 3–5 cấu trúc câu/ mẫu câu thông dụng
 - Mỗi từ vựng hoặc cấu trúc câu cần có:
 - Ví dụ minh họa bằng tiếng Trung chuẩn thương mại
 - Cách dùng mang tính lịch sự, gián tiếp, đúng văn phong đàm phán Trung Quốc
- Ngôn ngữ sử dụng:
 - Nội dung chính 100% bằng tiếng Trung

- Giải thích ngắn gọn bằng tiếng Việt (dùng cho giảng dạy)

Phong cách:

- Chuẩn mực, học thuật vừa phải
- Phù hợp dùng trong giáo trình, bài giảng đại học, lớp tiếng Trung thương mại
- Kết quả mong muốn:
- Một tài liệu có tính hệ thống, có thể dùng trực tiếp để dạy học, ra đề hội thoại, hoặc thiết kế hoạt động đóng vai đàm phán (role-play).
- Lưu ý: “Vui lòng gợi ý cách chuyển nội dung trên thành chuẩn đầu ra (Learning Outcomes) cho kỹ năng giao tiếp đàm phán thương mại tiếng Trung”.

Điều này đảm bảo rằng mọi sinh viên đều có thể tiếp cận cùng một mục tiêu năng lực theo những lộ trình phù hợp nhất, đúng với nguyên lý tập trung vào chuẩn đầu ra của mô hình OBE.

Ngoài ra, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ trí tuệ nhân tạo, nhiều nền tảng đã có sự tích hợp AI – biến AI trở thành một công cụ không thể thiếu trong danh mục tính năng. Do đó, người dạy hoàn toàn có thể tận dụng triệt để nhằm nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức của sinh viên bằng nhiều hình thức, phương thức khác nhau.

Điển hình phải kể đến nền tảng Canva – hỗ trợ người dùng thiết kế, sáng tạo nhiều nội dung như bài thuyết trình, video hay áp phích. Sau khi nền tảng Canva tích hợp AI tạo thành tính năng Canva AI, tại đây, người dùng có thể dùng câu lệnh để tạo ra thành phẩm theo nhu cầu của bản thân như dùng câu lệnh để viết code tạo website hoặc dùng câu lệnh để Canva hỗ trợ người dạy tạo bản thuyết trình/ bài giảng một cách sinh động, hợp thị hiếu người học. Không những thế, các nền tảng tạo video bằng công nghệ AI phát triển không ngừng, hỗ trợ người dạy rất nhiều trong việc tự thiết kế video theo nhu cầu giảng dạy, hoặc nhu cầu cung cấp thêm nguồn tài liệu thực tế cho sinh viên, điển hình có thể kể đến nền tảng Google Flow, Google Veo3 hoặc Google AI Studio – hỗ trợ người dùng tạo hình ảnh, tạo video và audio.

Từ phân tích trên, có thể thấy rằng, việc tích hợp AI vào giảng dạy theo mô hình giáo dục OBE giúp thu hẹp khoảng cách giữa giáo trình và ngôn ngữ sử dụng thực tế, đồng thời hỗ trợ thiết kế học liệu linh hoạt, phân hóa theo chuẩn đầu ra năng lực. Các nền tảng tích hợp AI góp phần đa dạng hóa hình thức dạy học, nâng cao hiệu quả triển khai mô hình OBE trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

B. CÁ NHÂN HÓA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Trong các lớp học ngôn ngữ với sĩ số đông, giảng viên khó có thể đóng vai trò là người hỗ trợ cho nhiều sinh viên cùng một lúc. Đây là điểm nghẽn khiến nhiều sinh viên không theo kịp tiến độ chung. AI ra đời và giải quyết điểm nghẽn này bằng cách đóng vai trò là một trợ lý ảo, một gia sư thông minh hoạt động 24/7. Với sự phát triển hiện tại, các nền tảng AI có khả năng tương tác và phản hồi ngay lập tức khi người học sử dụng để luyện tập (viết, nói), không chỉ đưa ra đáp án đúng sai, nền tảng còn hỗ trợ giải thích lý do và gợi ý/cung cấp ví dụ tương ứng, hỗ trợ người học tự điều chỉnh và rút ngắn thời gian tự học. Đặc biệt, trong việc rèn luyện khẩu ngữ - một trong những kỹ năng khó nhất vì tính chất đặc thù về thanh điệu – AI giúp nhiều người học e ngại việc nói trước đám đông có thể tận dụng để thoải mái luyện tập và sửa lỗi, không những thế, còn có thể giúp giảng viên tiết kiệm được thời gian sửa bài trong quá trình dạy học.

Với những lợi ích AI mang lại, giảng viên có thể tận dụng triệt để tính năng của các nền tảng AI để tạo ra những nguồn học liệu dồi dào, nhằm cung cấp cho sinh viên môi trường tự học, nâng cao khả năng tự học, tự đánh giá. Điều này hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu đạt tiêu chuẩn về kỹ năng và thái độ trong mô hình giáo dục OBE – một mô hình đánh giá cao việc sinh viên đạt được gì sau khi kết thúc chương trình đào tạo và khả năng ứng dụng kiến thức đã học trong việc giải quyết, xử lý tình huống trong công việc, và đối với xã hội hiện đại, kỹ năng học tập suốt đời, tự học là kỹ năng không thể thiếu.

Bên cạnh đó, với lợi thế cá nhân hóa của các nền tảng tích hợp trí tuệ nhân tạo, giảng viên nên hướng dẫn sinh viên cách sử dụng AI, với mục tiêu giúp sinh viên rèn luyện việc ứng dụng AI trong học tập và công việc sau này, tự tối ưu hóa quá trình học tập, làm việc của bản thân.

C. TÍCH HỢP ĐÁNH GIÁ TRONG BỐI CẢNH THỰC

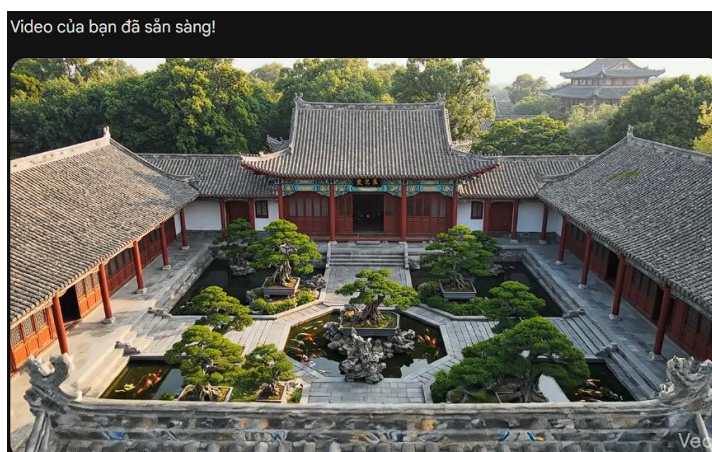
Một trong những thách thức lớn nhất của mô hình OBE là việc thiết kế các bài đánh giá thực lực thực tế của người học. Các bài kiểm tra truyền thống thường chỉ đo lường được mức độ ghi nhớ kiến thức mà chưa đánh giá được chính xác năng lực xử lý tình huống của sinh viên. Ví dụ, một sinh viên có thể đạt được điểm tối đa bài thi về ngữ pháp hoặc đọc hiểu nhưng không thể xử lý một tình huống đối thoại với khách hàng bằng tiếng Trung. Trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ giải quyết vấn đề này bằng cách tận dụng AI tạo ra các kịch bản thực tế, hoặc đánh các nền tảng tích hợp AI đối thoại trực tiếp với người học và đưa ra phản hồi ngay lập tức. Như vậy, có thể đánh giá năng lực, kỹ năng của người học một cách khách quan hơn.

D. PHÂN TÍCH MỘT SỐ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ AI VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG

Để chứng minh cho tính khả thi của việc chuyển đổi phương pháp giảng dạy, trong nghiên cứu này tiến hành phân tích hai trường hợp điển hình trong việc ứng dụng AI vào việc thiết kế học liệu, cá nhân hóa hoạt động giảng dạy nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra của các học phần tiếng Trung.

Tái hiện bối cảnh văn hóa qua công nghệ video tạo sinh Google Veo 3: Việc sử dụng mô hình tạo sinh Veo 3 để khởi tạo hình ảnh và video về kiến trúc Tứ hợp viện không đơn thuần là tạo ra một học liệu trực quan, mà là quá trình tối ưu hóa thiết kế học liệu bám sát chuẩn đầu ra về năng lực và kiến thức về văn hóa Trung Quốc. AI giúp tái hiện chính xác các chi tiết mang tính biểu tượng như vị trí, bố cục, phương hướng, các yếu tố phong thủy, đều là những thành tố văn hóa vốn rất khó để diễn đạt tường tận qua văn bản. Qua quan sát, video AI giúp sinh viên hình thành thành “không gian ngôn ngữ giả lập”, giúp việc học từ vựng về phương vị và kiến trúc không còn rời rạc, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và năng lực cảm thụ văn hóa thực tế. Không chỉ vậy, việc ứng dụng AI trong quá trình tối ưu hóa học liệu giúp giảng viên tiết kiệm được thời gian tìm kiếm tư liệu giảng dạy, dựa vào việc sử dụng câu lệnh (prompt) đúng đắn, hợp lý, đầy đủ, chỉ cần từ 1-2 phút, mô hình tạo sinh Veo 3 có thể giúp người dạy có được một đoạn video bài giảng chất lượng.

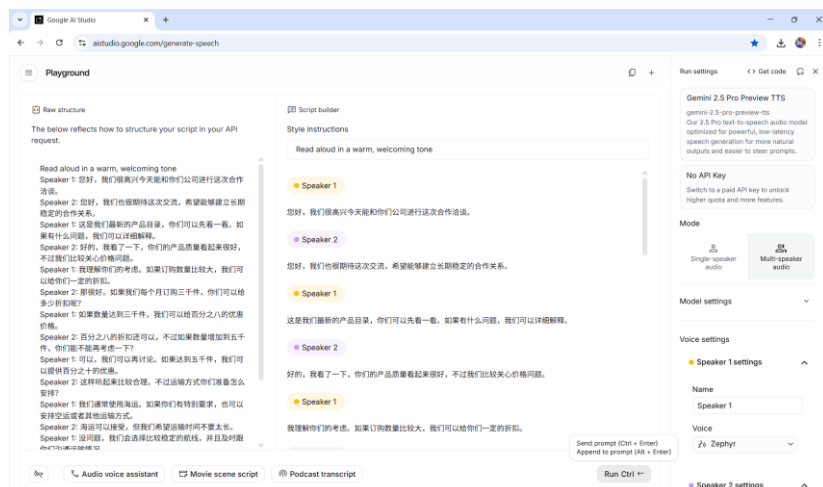
Ví dụ ứng dụng Google Veo 3 trong việc tạo video giảng dạy và kết quả như ảnh dưới đây:



Hình 1. Kiến trúc Tứ hợp viện được tạo bằng nền tảng Google Veo 3

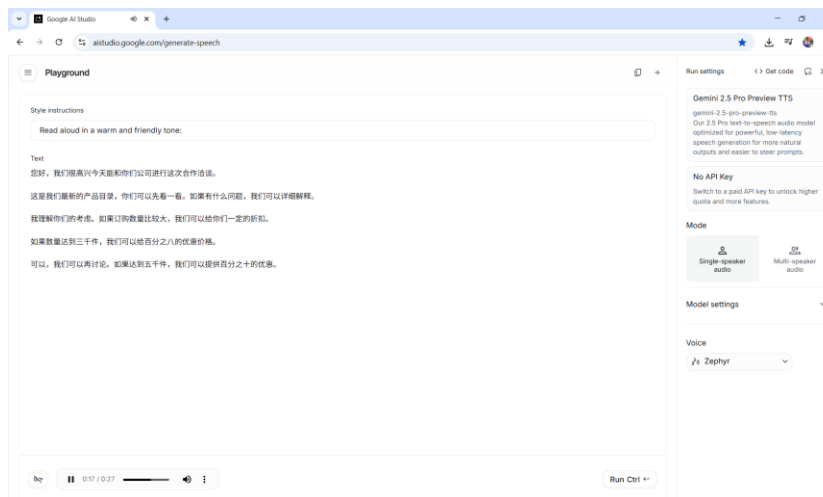
Cá nhân hóa kịch bản thương mại và sửa lỗi thanh điệu bằng nền tảng Google AI Studio: Trong trường hợp ứng dụng AI Studio để thiết kế đoạn hội thoại đàm phán thương mại, nghiên cứu tập trung vào việc cá nhân hóa hoạt động cá nhân hóa hoạt động dạy học và đổi mới đánh giá năng lực. Người dạy sử dụng câu lệnh (prompt) chuyên sâu để AI Studio tạo ra các biến thể hội thoại có tần suất sử dụng các từ đa âm tiết và thanh điệu khó, ví dụ như các thanh ba đi liền nhau. Thay vì các bài nghe tĩnh, sinh viên có thể tương tác trực tiếp với kịch bản AI tạo ra. Từ đó có thể giúp giáo viên có thể đo lường được năng lực vận dụng thực tế của người học thay vì chỉ kiểm tra trí nhớ.

Ví dụ thực tế việc ứng dụng Google AI Studio tạo hội thoại đàm phán thương mại và kết quả thu được như sau:



Hình 2. Hội thoại đàm phán thương mại được tạo bằng Google AI Studio

Ví dụ thực tế việc ứng dụng Google AI Studio tạo bối cảnh cho sinh viên thực hành luyện tập phản xạ và kết quả như sau:



Hình 3. Bài luyện tập phản xạ được tạo bằng Google AI Studio

Không chỉ dừng lại ở vai trò hỗ trợ người dạy, việc người học ứng dụng AI vào tiến trình tự học còn đóng vai trò quyết định trong việc cá nhân hóa lộ trình rèn luyện, giúp sinh viên chủ động bồi đắp kiến thức và kỹ năng nhằm hiện thực hóa các chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần. Đây không chỉ là giải pháp mang tính công nghệ mà còn là tiền đề quan trọng để phát triển năng lực tự học suốt đời trong bối cảnh số hóa. Do đó, việc đánh giá sâu hơn về tác động của AI đối với hành vi và tâm lý người học tiếng Trung theo định hướng OBE sẽ là một hướng nghiên cứu tiềm năng cho các công trình khoa học tiếp theo.

E. ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐA DIỆN VÀ RỦI RO ĐẠO ĐỨC

Qua các phân tích ứng dụng thực tế trên, ta thấy được rằng, dù ứng dụng AI mang lại hiệu quả vượt trội trong việc đạt chuẩn đầu ra, việc ứng dụng AI vẫn đang đối mặt với một số thách thức về tính bản quyền của học liệu và nguy cơ giảm sút tư duy độc lập nếu người học quá lệ thuộc vào các nền tảng AI. Do đó, vai trò của người dạy trong mô hình OBE không mất đi mà chuyển dịch sang vị trí “người hướng dẫn” và “người kiểm định” chất lượng nội dung do AI tạo ra để đảm bảo tính chuẩn mực sư phạm.

IV. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh giáo dục đại học chuyển mạnh sang tiếp cận năng lực, mô hình giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (OBE) đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, trong đó có tiếng Trung Quốc. Kết quả phân tích cho thấy, trí tuệ nhân tạo không chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ kỹ thuật mà còn góp phần tái cấu trúc quy trình dạy học theo đúng tinh thần của OBE, từ khâu thiết kế học liệu, tổ chức hoạt động học tập đến đánh giá năng lực người học trong bối cảnh thực tế.

Việc tích hợp AI giúp thu hẹp khoảng cách giữa nội dung giáo trình và ngôn ngữ sử dụng trong thực tiễn xã hội – nghề nghiệp, đồng thời tạo điều kiện cho việc cá nhân hóa lộ trình học tập và phân hóa trình độ ngay từ khâu thiết kế học liệu. Qua đó, AI hỗ trợ hiện thực hóa nguyên lý “lấy người học làm trung tâm” và nguyên tắc tương thích kiến tạo của mô hình OBE trong giảng dạy tiếng Trung Quốc. Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả tiềm năng của AI, giảng viên cần được trang bị đầy đủ năng lực sư phạm số, đặc biệt là kỹ năng thiết kế và sử dụng prompt một cách có định hướng sư phạm. Bên cạnh đó, đối mặt với những thách thức tiềm tàng trong thời đại ứng dụng AI rộng rãi, giảng viên nên trở thành người hỗ trợ người học trong việc định hướng và kiểm định nội dung được tạo từ AI.

Từ góc độ nghiên cứu, bài viết góp phần làm rõ mối quan hệ hỗ trợ giữa OBE và AI trong giảng dạy tiếng Trung Quốc ở bậc đại học, đồng thời mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo về đánh giá hiệu quả ứng dụng AI thông qua các nghiên cứu thực nghiệm hoặc nghiên cứu tình huống cụ thể. Đây cũng là tiền đề quan trọng để tiếp tục hoàn thiện mô hình giảng dạy tiếng Trung Quốc hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Mai, A. T., Võ, N. T., & Bùi, V. H. (2021). Phát triển chương trình đào tạo đại học theo định hướng đáp ứng chuẩn đầu ra: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật*, 63(4), 105–114.
- [2] Nguyễn, T. H. (2014). Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực trong giáo dục: Một số vấn đề lí luận cơ bản. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Giáo dục*, 30(2), 56–64.
- [3] Lê, H. D., & Trương, T. T. T. (2023). Giảng dạy theo nguyên tắc “Tương thích kiến tạo” trong giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực của sinh viên. *Tạp chí Giáo dục*, 23(1), 30–34.
- [4] Pusporini, W., & Nurdianto, H. (2024). Utilization of artificial intelligence in outcome-based curriculum evaluation and development. *Journal of Research in Social Science and Humanities*, 4(1), 131–133.
- [5] Cao, Y., Liu, Y. and Lai, J. (2025) Leveraging Artificial Intelligence in Outcome-Based Education: A Case Study of Undergraduate Auditing Curriculum. *Advances in Applied Sociology*, 15, 60–74. doi: [10.4236/aasoci.2025.152004](https://doi.org/10.4236/aasoci.2025.152004).
- [6] Wang, L. (2020). “人工智能 + 教育” 背景下对汉语教学探析. *Journal of Wuling*, 45(4), 136–142.
- [7] Gu, W., & Wang, J. (2020). 人工智能技术在汉语教学中的应用. *Software Guide*, 19(6), 39–43.
- [8] Shen, H. X. (2024). 基于人工智能的“线上+线下融合式”对汉语教学探析. *Journal of Qiqihar University (Philosophy and Social Science Edition)*, (8), 165–168.

TRANSFORMING CHINESE LANGUAGE TEACHING METHODS UNDER THE OBE FRAMEWORK IN THE CONTEXT OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE

Pham Le Thi Bao Dung

ABSTRACT— In the context of higher education’s strong shift toward a competency-based approach, Outcome-Based Education (OBE) has become a dominant orientation in curriculum design and implementation. For the field of Chinese Language Studies, however, the effective realization of the OBE model presents considerable challenges due to the specific characteristics of language learning and the rapid evolution of specialized language in contemporary society.

This paper focuses on analyzing the role of artificial intelligence (AI) in transforming Chinese language teaching methods under the OBE framework. Adopting a qualitative research approach that integrates theoretical analysis with teaching practice, the study examines the impact of AI from three key dimensions: the design of learning materials aligned with intended learning outcomes, the personalization of teaching and learning activities, and the innovation of learner competency assessment in authentic contexts.

The findings indicate that AI not only helps bridge the gap between textbooks and real-world language use but also supports the effective implementation of learner-centered principles and the principle of constructive alignment advocated by the OBE model. Based on these findings, the paper proposes several directions for leveraging the potential of AI to enhance the quality and effectiveness of Chinese language teaching at the tertiary level in the context of educational digital transformation.

Keywords—Outcome-Based Education (OBE); Artificial Intelligence (AI); Chinese Language Teaching; Digital Transformation in Education.



Phạm Lê Thị Bảo Dung là Thạc sĩ ngành Giáo dục Hán ngữ quốc tế. Hiện đang là giảng viên Khoa Ngoại ngữ. Lĩnh vực nghiên cứu quan tâm là: phương pháp giảng dạy tiếng Trung, Ứng dụng công nghệ AI trong giảng dạy, ...